

Bản án số: 339/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Mai Thị Thảo**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 358/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 266/2024/QĐST-HNST ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H**; sinh năm 1982;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Xóm C, thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương**; **Nơi cư trú hiện nay: Malaysia**.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn L**, sinh năm 1979;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Đ, thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương**; **Nơi cư trú hiện nay: Hồ N**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đỗ Thị R**, sinh năm 1955; địa chỉ: **Xóm C, thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương**.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Lê Thị H** trình bày: Chị và anh **Phạm Văn L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải**

Dương ngày 29/10/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Năm 2016 chị đi lao động tại Malaysia, còn anh **L** đi lao động tại **Hồ N**, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai và đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị và anh **L** vẫn thỉnh thoảng liên lạc với nhau và anh chị thống nhất xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **L**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Phạm Thùy L1**, sinh ngày 01/8/2014, hiện con đang ở với mẹ chị là bà **Đỗ Thị R**. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh **L** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian vắng mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho bà **Đỗ Thị R** thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi chị về nước. Chị có trách nhiệm gửi tiền về cho bà **R** nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện bận công việc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị **H** không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh **L** nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh **L**. Bà **Phạm Thị L2** (là mẹ đẻ anh **L**) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh **L** ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh **L** vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh **L** biết. Anh **L** xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị **H** có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị **H** trình bày là đúng, anh nhất trí giao con cho chị **H** được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị **H** tự nguyện không yêu cầu anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung anh cũng nhất trí. Trong thời gian chị **H** không có mặt tại Việt Nam, anh nhất trí để bà **Đỗ Thị R** chăm sóc cháu **Phạm Thùy L1** cho đến khi chị **H** về nước. Tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà **Đỗ Thị R** là mẹ đẻ chị **H** trình bày: Bà nhất trí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Phạm Thùy L1** cho đến khi chị **H** về nước.

Cháu **Phạm Thùy L1** có nguyện vọng xin được ở với mẹ là **Lê Thị H**.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị **H**, anh **L** đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị **H** và anh **L** có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa phương, quá trình chung sống được một thời gian ngắn thì chị **H** đi lao động ở nước ngoài, anh **L** cũng đi lao động tại **Hồ N**. Vợ chồng sống xa cách mỗi người sống một nơi, không ai

quan tâm đến ai. Nay chị **H** có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Lê Thị H** ly hôn anh **Phạm Văn L**; về con chung: Giao con chung **Phạm Thùy L1** cho chị **H** trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị **H** không yêu cầu anh **L** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; tạm giao cháu **Phạm Thùy L1** cho bà **Đỗ Thị R** chăm sóc cho đến khi chị **H** về nước. Chị **H** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Lê Thị H** có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại **xóm C, thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương**, hiện đang lao động tại Malaysia và bị đơn anh **Phạm Văn L** có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại **đội 4, thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương**, hiện anh đang lao động, sinh sống tại **Hồ N**. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị **H** đang lao động tại Malaysia nhưng hiện tại chị về nghỉ phép và gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị H** và anh **Phạm Văn L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương** ngày 29/10/2008 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định anh chị chung sống đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Từ năm 2016 chị đi lao động tại Malaysia, còn anh **L** đi lao động tại **Hồ N**, từ đó vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù đã được hai bên gia đình

khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị **H** có đơn xin ly hôn, anh **L** cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **H** và anh **L** đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị **H** ly hôn anh **L**.

[4] Về quan hệ con chung: Con chung của chị **H** và anh **L** là **Phạm Thùy L1**, sinh ngày 01/8/2014, hiện đang ở với chị **H** và bà **Đỗ Thị R**. Chị **H** và anh **L** thống nhất giao con chung cho chị **H** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị **H** tự nguyện không yêu cầu anh **L** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị **H** không có mặt ở Việt Nam, anh chị thống nhất giao con chung cho bà **R** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị **H** về nước. Bà **Đỗ Thị R** nhất trí thay chị **H** chăm sóc cháu **Phạm Thùy L1**. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị, giao con chung cho chị **H** chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **H** không yêu cầu anh **L** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; tạm giao cháu **Phạm Thùy L1** cho bà **Đỗ Thị R** chăm sóc cho đến khi chị **H** về nước.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H**, anh **L** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **Lê Thị H** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị H**, xử cho chị **Lê Thị H** ly hôn anh **Phạm Văn L**.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị **Lê Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là **Phạm Thùy L1**, sinh ngày 01/8/2014 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị **H** không yêu cầu anh **L** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Tạm giao cháu **Phạm Thùy L1** cho bà **Đỗ Thị R** chăm sóc cho đến khi chị **H** về nước.

Anh **Phạm Văn L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Lê Thị H** phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000835 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị **H** đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Lê Thị H** và bà **Đỗ Thị R** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh **Phạm Văn L** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Kim Đính, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu